

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/DS-ST**
Ngày 22 tháng 3 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Hiếu

Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 276/2021/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T; địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Châu Quốc D; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 15/9/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Vào ngày 21/3/2019 ông T có cho ông Châu Quốc D vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, thỏa thuận đóng lãi hàng tháng với mức lãi suất là 7%/tháng, hai bên có làm giấy tay hợp đồng và để tạo thêm sự tin tưởng, ông D có giao cho ông T cất giữ 01 Sổ Bảo hiểm xã hội có Mã số: 9408003065, do Bảo hiểm xã hội huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp lần 2 cho ông Châu Quốc D ngày 25/4/2018 và 01 Giấy chứng minh nhân dân (bản chứng thực) của ông D. Nhưng từ khi cho vay

đến nay ông D không đóng lãi, cũng chưa trả vốn. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Châu Quốc D phải trả số tiền vay vốn gốc là 30.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Châu Quốc D, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa ông Châu Quốc D là bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cùng với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp, cho thấy việc thỏa thuận hợp đồng vay tài sản được thể hiện bằng văn bản giữa bên vay và bên cho vay, nội dung hợp đồng có thể hiện rõ số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn vay, gửi giữ tài sản để bảo đảm; tuy chưa chặt chẽ như không có người làm chứng, cũng không có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, một số nội dung thỏa thuận còn chưa phù hợp như mức lãi suất và việc nhận thế chấp tài sản chưa đảm bảo theo quy định pháp luật, nhưng theo nguyên đơn cho biết là bị đơn đến nay còn nợ vốn và chưa thanh toán lãi lẫn nào, tài sản gửi giữ là Sổ Bảo hiểm xã hội nguyên đơn đang cất giữ bản chính kèm với Giấy chứng minh nhân dân bản chứng thực của bị đơn, cho thấy các bên có đủ năng lực hành vi dân sự và việc thỏa thuận đúng với ý chí, nguyện vọng của cả hai bên. Như vậy cần xác định việc bị đơn có vay nợ của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng là có thật trên thực tế.

[3] Qua xác minh được biết bị đơn ông Châu Quốc D có đăng ký thường trú tại ấp P, xã M, huyện K, tỉnh Sóc Trăng nhưng gần đây đã bỏ đi khỏi địa phương, chính quyền địa phương không biết ông D đi đâu, làm gì, vì không có trình báo, điều này cho thấy ông D đã cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh nghĩa vụ đối với người khác nếu có; mặt khác, việc ông D cố tình giấu địa chỉ cũng được coi là ông D từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với nội dung hợp đồng vay tài sản thể hiện cho vay có tính lãi, nhưng nguyên đơn khởi kiện không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, chỉ xem xét việc tính lãi chậm trả ở giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với tài sản gửi giữ để bảo đảm số tiền vay của bị đơn, do bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, yêu cầu trong việc xử lý tài sản bảo đảm tiền vay, nhưng để giải quyết dứt điểm vụ án, cần xem xét xử lý tài sản mà nguyên đơn đang nhận gửi giữ là 01 Sổ Bảo hiểm xã hội có Mã số: 9408003065, do Bảo hiểm xã hội huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp lần 2 cho ông Châu Quốc D ngày 25/4/2018 và 01 Giấy chứng minh nhân dân (bản chứng thực) của ông D. Vì vậy, sau khi án có hiệu lực đến giai đoạn thi hành án, nguyên đơn phải có trách nhiệm trả lại cho bị đơn các tài sản này khi bị đơn có yêu cầu.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Châu Quốc D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Minh T phải hoàn trả 01 Sổ Bảo hiểm xã hội có Mã số 9408003065, do cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp (cấp lần 2)

cho ông Châu Quốc D ngày 25/4/2018 (bản chính) và 01 Giấy chứng minh nhân dân của ông Châu Quốc D (bản chứng thực) cho ông Châu Quốc D khi có yêu cầu.

2. Về án phí:

2.1. Buộc ông Châu Quốc D phải chịu án phí là 1.500.000 (*một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

2.2. Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 750.000 (*bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001443 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu